

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH TÂN, PHƯỜNG TÂN TẠO, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Hạnh

HV cao học quản lý giáo dục, Đại học Trà Vinh

Email: nguyenthihanhdhqn94@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu này tập trung khảo sát và phân tích thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh tại Trường Tiểu học Bình Tân, phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh. Mẫu nghiên cứu gồm 90 cán bộ quản lý và giáo viên (CBQL-GV). Nội dung khảo sát bao gồm: nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng giao tiếp; công tác xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện; chỉ đạo; và kiểm tra, đánh giá hoạt động. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số CBQL-GV nhận thức đúng về vai trò thiết yếu của kỹ năng giao tiếp đối với sự phát triển toàn diện của học sinh tiểu học. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất 6 biện pháp quản lý theo hướng hệ thống, khả thi và phù hợp với thực tiễn nhà trường, nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc đổi mới quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng mềm trong trường tiểu học hiện nay.

Từ khóa: Quản lý giáo dục; Kỹ năng giao tiếp; Học sinh tiểu học; Hoạt động giáo dục; Trường Tiểu học Bình Tân

MANAGEMENT OF COMMUNICATION SKILLS EDUCATION ACTIVITIES FOR STUDENTS AT BINH TAN PRIMARY SCHOOL, TAN TAO WARD, HO CHI MINH CITY

Abstract: This study focuses on surveying and analyzing the current status of managing communication skills education activities for students at Binh Tan Primary School, Tan Tao Ward, Ho Chi Minh City. The research sample consists of 90 administrators and teachers. The survey content includes: awareness of the importance of communication skills education; planning; organization of implementation; direction; and monitoring and evaluation of activities. The findings indicate that the majority of administrators and teachers have an appropriate awareness of the essential role of communication skills in the holistic development of primary school students. Based on these findings, the study proposes six management measures that are systematic, feasible, and aligned with the school's practical context, aiming to enhance the effectiveness of communication skills education for students. The results contribute both theoretical and practical evidence for innovating the management of soft skills education activities in primary schools in the current educational context.

Keywords: Educational management; Communication skills; Primary school students; Educational activities; Binh Tan Primary School.

Nhận bài: 09/03/2026

Phản biện: 09/04/2026

Duyệt đăng: 12/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay, việc phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh, đặc biệt là năng lực giao tiếp, được xác định là một trong những mục tiêu cốt lõi của giáo dục phổ thông. Theo định hướng của chương trình giáo dục phổ thông mới, năng lực giao tiếp và hợp tác không chỉ là công cụ hỗ trợ học tập mà còn là điều kiện thiết yếu để học sinh hòa nhập và phát triển trong xã hội hiện đại (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Đồng thời, các tổ chức quốc tế cũng khẳng định kỹ năng giao tiếp là một trong những năng lực nền tảng của công dân thế kỷ XXI, góp phần nâng cao hiệu quả học tập và khả năng thích ứng xã hội của người học (OECD, 2019; UNICEF, 2021). Ở cấp tiểu học - giai đoạn nền tảng trong quá trình hình thành nhân cách - việc giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là thời kỳ trẻ phát triển mạnh về ngôn ngữ, nhận thức và

các mối quan hệ xã hội, do đó việc tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp sẽ góp phần hình thành những hành vi giao tiếp tích cực, văn minh và hiệu quả (Denham et al., 2012). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc giáo dục kỹ năng giao tiếp trong nhà trường tiểu học vẫn còn nhiều hạn chế, như nội dung chưa được tích hợp hệ thống, phương pháp tổ chức còn đơn điệu, và sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục chưa thật sự hiệu quả.

Trong bối cảnh đó, vai trò của công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp trở nên đặc biệt quan trọng. Quản lý không chỉ dừng lại ở việc tổ chức thực hiện mà còn bao gồm việc lập kế hoạch, chỉ đạo, kiểm tra và điều chỉnh nhằm đảm bảo các hoạt động giáo dục được triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực học sinh (Bush, 2020; Hallinger, 2020). Các nghiên cứu gần đây cũng chỉ ra rằng hiệu quả của giáo dục kỹ năng mềm

trong nhà trường phụ thuộc lớn vào năng lực quản lý và sự lãnh đạo của đội ngũ cán bộ quản lý (Leithwood et al., 2020). Tại Trường Tiểu học Bình Tân, phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh, trong những năm qua, nhà trường đã quan tâm triển khai các hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh và bước đầu đạt được một số kết quả nhất định.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu, điều tra bằng bảng hỏi. Kết quả thu được sẽ xử lý bằng phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học, xác định các tần số tuyệt đối (số đếm); Khách thể nghiên cứu 90 cán bộ quản lý, giáo viên tại trường tiểu học Bình Tân.

2.2. Một số khái niệm

Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch và có tổ chức của chủ thể quản lý (hiệu trưởng và các lực lượng giáo dục trong nhà trường) đến toàn bộ các thành tố của hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp (mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, lực lượng tham gia và điều kiện đảm bảo), nhằm hình thành và phát triển ở học sinh tiểu học những năng lực giao tiếp phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và yêu cầu giáo dục hiện đại. Khái niệm này kế thừa cách tiếp cận chung về quản lý giáo dục như một quá trình điều hành, tổ chức và kiểm soát các hoạt động giáo dục để đạt mục tiêu đã xác định (Bush, 2011; Hoy & Miskel, 2013), đồng thời gắn với quan điểm phát triển kỹ năng giao tiếp như một thành tố cốt lõi của năng lực xã hội và học tập của học sinh (OECD, 2018; UNICEF, 2012).

2.3. Kết quả quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh ở Trường Tiểu học Bình Tân, phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh

Đánh giá của GV và CBQL, việc quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh tại trường Tiểu học Bình Tân ở mức “quan trọng”, với điểm trung bình chung ĐTB = 2.99. Giá trị này nằm trong khoảng $2,50 < \text{ĐTB} \leq 3,25$, cho thấy đây là yếu tố tiềm năng, cần tiếp tục cải tiến.

Trong các nội dung khảo sát, nội dung “*Có sự quan tâm chỉ đạo việc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh trong nhà trường*” được đánh giá cao nhất (ĐTB = 3.14, xếp

thứ bậc 1), thuộc mức “quan trọng”, phản ánh sự chú trọng của đội ngũ quản lý đối với việc chỉ đạo triển khai hoạt động này trong thực tiễn nhà trường. Tiếp theo, nội dung “*Tăng cường kiểm tra và giám sát việc thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp*” (ĐTB = 3.13, xếp thứ bậc 2) cũng được đánh giá ở mức khá cao. Điều này cho thấy công tác quản lý không chỉ dừng lại ở định hướng mà còn chú trọng đến khâu kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo hiệu quả thực hiện. Bên cạnh đó, các nội dung “*Tạo điều kiện về nguồn lực và môi trường giáo dục*” (ĐTB = 2.99) và “*Xác định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp là nhiệm vụ cần thiết*” (ĐTB = 2.87) đều nằm trong khoảng $2,50 < \text{ĐTB} \leq 3,25$, cho thấy đây là những yếu tố tiềm năng. Tuy nhiên, mức điểm chưa cao phản ánh nhận thức về vai trò hỗ trợ và tính hệ thống trong quản lý vẫn chưa thật sự nổi bật.

Xếp ở vị trí cuối cùng là nội dung “*Nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp*” có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 2.82, xếp thứ bậc 5). Mặc dù vẫn thuộc mức yếu tố tiềm năng, nhưng ở ngưỡng thấp, cho thấy nhận thức một cách toàn diện và sâu sắc về vai trò của công tác quản lý hoạt động này chưa thực sự đồng đều trong đội ngũ.

Từ kết quả trên có thể nhận định rằng, nhận thức của GV và CBQL về tầm quan trọng của quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp tại nhà trường đã được hình thành ở mức “quan trọng”, đặc biệt ở khía cạnh chỉ đạo và kiểm tra. Tuy nhiên, nhận thức mang tính tổng thể và gắn với việc đảm bảo nguồn lực, điều kiện thực hiện vẫn còn hạn chế. Điều này đặt ra yêu cầu cần nâng cao nhận thức một cách toàn diện hơn về vai trò của quản lý, nhằm đảm bảo sự phát triển đồng bộ và hiệu quả của hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp trong nhà trường.

2.3.2. Thực trạng xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động xây dựng kế hoạch quản lý giáo dục kỹ năng giao tiếp tại trường Tiểu học Bình Tân được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình chung đạt ĐTB = 2.93. Theo thang đánh giá đã xác định ($2,50 < \text{ĐTB} \leq 3,25$), đây là yếu tố tiềm năng, cần tiếp tục cải tiến, phản ánh nhà trường đã có nền tảng nhất định trong công tác lập kế hoạch nhưng vẫn còn dư địa để hoàn thiện.

Xét theo từng nội dung, nổi bật nhất là hoạt động “*lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng giao tiếp vào kế hoạch giáo dục của nhà trường và tổ*

chuyên môn” (ĐTB = 3.13, xếp thứ bậc 1). Điều này cho thấy công tác tích hợp đã được chú trọng, góp phần đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ trong triển khai. Đây có thể xem là điểm mạnh tương đối, tiệm cận ngưỡng cao của mức “khá”. Bên cạnh đó, các nội dung như “*bố trí nguồn lực và điều kiện thực hiện*” (ĐTB = 2.97) và “*phân công nhiệm vụ cho giáo viên và các lực lượng giáo dục*” (ĐTB = 2.94) cũng được đánh giá ở mức khá, cho thấy nhà trường đã quan tâm đến các yếu tố đảm bảo thực thi kế hoạch. Tuy nhiên, mức điểm chưa cao phản ánh việc triển khai có thể chưa thật sự đồng đều hoặc hiệu quả chưa ổn định.

Trong khi đó, nội dung “*lựa chọn hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm học sinh tiểu học*” có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 2.74, xếp thứ bậc 6). Mặc dù vẫn thuộc mức “khá”, nhưng đây là ngưỡng thấp của nhóm tiềm năng, cho thấy hạn chế trong việc thiết kế hoạt động phù hợp với đối tượng học sinh. Tương tự, nội dung điều chỉnh và bổ sung kế hoạch (ĐTB = 2.86) cũng chưa được đánh giá cao, phản ánh tính linh hoạt trong quản lý kế hoạch còn hạn chế.

Một điểm đáng chú ý là nội dung “*xác định mục tiêu giáo dục trong kế hoạch*” chỉ đạt ĐTB = 2.92 (xếp thứ 4), cho thấy dù mục tiêu đã được xác định nhưng có thể chưa thật sự rõ ràng hoặc chưa gắn chặt với thực tiễn triển khai.

Xét về xu hướng chung, có thể nhận thấy công tác xây dựng kế hoạch tại nhà trường đang thiên về tính hình thức và cấu trúc (lồng ghép, phân công, bố trí) hơn là chiều sâu chuyên môn (lựa chọn hoạt động phù hợp, điều chỉnh linh hoạt). Điều này phản ánh một đặc điểm khá điển hình trong quản lý giáo dục: kế hoạch đã được thiết lập tương đối đầy đủ nhưng chưa thực sự linh hoạt và sát với đối tượng.

2.3.3. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động tổ chức giáo dục kỹ năng giao tiếp tại trường Tiểu học Bình Tân được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình chung ĐTB = 3.01. Theo thang đánh giá đã xác định ($2,50 < \text{ĐTB} \leq 3,25$), đây là yếu tố tiềm năng, cần tiếp tục cải tiến, đồng thời phản ánh công tác tổ chức đã có những điểm nổi bật so với các khâu trước.

Điểm đáng chú ý là một số nội dung đạt mức điểm tương đối cao, tiệm cận ngưỡng “tốt”. Cụ thể, nội dung “*phối hợp giữa ban giám hiệu, tổ chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm*” có ĐTB = 3.19 (xếp thứ bậc 1), tổ chức hoạt động thông

qua học tập, trải nghiệm và sinh hoạt tập thể đạt ĐTB = 3.18 (xếp thứ bậc 2). Hai nội dung này đều nằm sát ngưỡng trên của mức “khá”, cho thấy nhà trường đã phát huy hiệu quả vai trò phối hợp và bước đầu chú trọng tổ chức hoạt động theo hướng trải nghiệm – một định hướng phù hợp với giáo dục tiểu học hiện nay. Bên cạnh đó, nội dung “*huy động sự tham gia của các lực lượng giáo dục*” (ĐTB = 3.01) và phân công nhiệm vụ cụ thể cho giáo viên (ĐTB = 2.96) cũng được đánh giá tích cực, phản ánh sự vào cuộc của nhiều lực lượng và sự rõ ràng nhất định trong tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, mức điểm chưa cao cho thấy việc huy động và phân công có thể chưa thực sự đồng bộ hoặc hiệu quả chưa ổn định giữa các bộ phận.

Hai nội dung có điểm thấp nhất là “*bố trí cơ sở vật chất và môi trường giáo dục*” (ĐTB = 2.88) và “*hỗ trợ, điều phối giáo viên trong quá trình tổ chức*” (ĐTB = 2.87). Mặc dù vẫn thuộc mức “khá”, nhưng đây là những yếu tố ở ngưỡng thấp của nhóm tiềm năng, cho thấy các điều kiện đảm bảo và cơ chế hỗ trợ trong quá trình triển khai còn hạn chế, ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả thực hiện hoạt động.

Đánh giá chung, có thể nhận thấy hoạt động tổ chức tại nhà trường có điểm mạnh ở yếu tố phối hợp và triển khai hoạt động trực tiếp với học sinh, trong khi các yếu tố mang tính điều kiện đảm bảo và hỗ trợ chuyên môn lại chưa tương xứng. Điều này phản ánh một thực tế rằng nhà trường đã chú trọng “làm” hoạt động, nhưng hệ thống hỗ trợ phía sau chưa thật sự mạnh.

2.3.4. Thực trạng chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh

Ở khâu chỉ đạo, dữ liệu khảo sát phản ánh mức độ thực hiện hoạt động chỉ đạo giáo dục kỹ năng giao tiếp tại trường Tiểu học Bình Tân đạt mức khá, với ĐTB chung = 2.88. Theo thang đánh giá ($2,50 < \text{ĐTB} \leq 3,25$), đây là yếu tố tiềm năng, cần tiếp tục cải tiến, cho thấy hoạt động chỉ đạo đã được triển khai nhưng chưa thật sự đồng đều giữa các nội dung. Xét chi tiết, nội dung “*hướng dẫn giáo viên triển khai hoạt động theo kế hoạch*” đạt điểm cao nhất (ĐTB = 3.14, xếp thứ bậc 1), tiệm cận mức “tốt”. Điều này cho thấy ban giám hiệu đã có sự quan tâm trong việc định hướng thực hiện, giúp giáo viên nắm bắt được yêu cầu và cách thức triển khai hoạt động. Tương tự, nội dung “*khuyến khích và tạo động lực cho giáo viên*” (ĐTB = 3.07, xếp thứ bậc 2) cũng được đánh giá tích cực, phản ánh vai trò động viên, thúc đẩy của lãnh đạo nhà trường bước đầu phát huy hiệu quả trong thực

tiên. Tuy nhiên, một số nội dung lại có mức điểm thấp hơn đáng kể. Đặc biệt, nội dung “*chỉ đạo lồng ghép giáo dục kỹ năng giao tiếp trong các môn học và hoạt động giáo dục*” có ĐTB = 2.67 (xếp thứ bậc 5), thấp nhất trong nhóm. Điều này cho thấy việc tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng giao tiếp vào chương trình dạy học chính khóa chưa được thực hiện một cách hiệu quả hoặc chưa có sự chỉ đạo cụ thể, xuyên suốt. Bên cạnh đó, các nội dung như “*hỗ trợ giải quyết khó khăn cho giáo viên*” (ĐTB = 2.77) và “*theo dõi, điều chỉnh quá trình triển khai*” (ĐTB = 2.78) cũng chỉ ở mức trung bình khá, phản ánh hạn chế trong công tác hỗ trợ chuyên môn và giám sát thực hiện.

Xét về xu hướng, có thể nhận thấy hoạt động chỉ đạo tại nhà trường có sự không đồng đều rõ rệt: mạnh ở khâu định hướng và động viên, nhưng lại hạn chế ở chỉ đạo chuyên sâu (lồng ghép nội dung), hỗ trợ và điều chỉnh quá trình thực hiện. Điều này cho thấy công tác chỉ đạo vẫn thiên về tính hành chính, định hướng chung hơn là đi vào chiều sâu chuyên môn

2.3.5. Thực trạng quản lý đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh

Khép lại chu trình quản lý, hoạt động kiểm tra – đánh giá giáo dục kỹ năng giao tiếp tại trường Tiểu học Bình Tân được ghi nhận ở mức khá, với ĐTB chung = 2.90. Theo thang đánh giá (2,50 < ĐTB ≤ 3,25), đây là yếu tố tiềm năng, cần tiếp tục cải tiến, cho thấy công tác đánh giá đã được triển khai nhưng hiệu quả chưa thật sự đồng đều giữa các nội dung.

Xét theo từng khía cạnh, nổi bật nhất là hoạt động “*ban giám hiệu thường xuyên kiểm tra việc triển khai của giáo viên*” (ĐTB = 3.03, xếp thứ bậc 1). Kết quả này phản ánh công tác kiểm tra hành chính được thực hiện tương đối thường xuyên, thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường trong việc giám sát hoạt động. Tiếp theo, nội dung “*thông báo và trao đổi kết quả kiểm tra với giáo viên*” (ĐTB = 2.99) cũng đạt mức khá cao, cho thấy bước đầu đã có sự phản hồi thông tin sau kiểm tra. Tuy nhiên, mức điểm chưa vượt ngưỡng “*tốt*” cho thấy hoạt động này có thể chưa thực sự sâu sắc hoặc chưa mang tính hỗ trợ chuyên môn rõ nét.

Trong khi đó, nội dung thu thập thông tin “*phản hồi từ giáo viên và học sinh*” có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 2.73, xếp thứ bậc 5). Điều này cho thấy việc khai thác kênh thông tin hai chiều – một yếu tố quan trọng trong đánh giá hiện đại – vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó, nội dung “*sử dụng kết*

quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động” (ĐTB = 2.88) cũng chưa được đánh giá cao, phản ánh mối liên kết giữa đánh giá và cải tiến chưa thực sự hiệu quả. Một điểm đáng lưu ý là nội dung “*xây dựng tiêu chí và kế hoạch kiểm tra, đánh giá*” (ĐTB = 2.88) chỉ ở mức trung bình khá, cho thấy nền tảng của hoạt động đánh giá chưa thật sự vững chắc, có thể ảnh hưởng đến tính hệ thống và hiệu quả chung của công tác này.

Xét về xu hướng tổng thể, có thể nhận thấy hoạt động kiểm tra – đánh giá tại nhà trường đang thiên về kiểm tra và giám sát, trong khi các chức năng quan trọng khác của đánh giá như thu thập phản hồi, sử dụng kết quả để cải tiến và hỗ trợ phát triển lại chưa được phát huy tương xứng. Điều này phản ánh cách tiếp cận đánh giá vẫn mang tính truyền thống, chưa chuyển mạnh sang định hướng phát triển.

2.4. Một số biện pháp gợi ý QLHD GDKN GT cho học sinh

Từ kết quả phân tích thực trạng và định hướng phát triển giáo dục toàn diện cho học sinh tiểu học, việc xây dựng các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp mang tính đồng bộ, khả thi và hiệu quả là yêu cầu cấp thiết. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất 6 biện pháp chủ yếu sau đây:

1. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức của giáo viên, học sinh và phụ huynh về vai trò của kỹ năng giao tiếp trong phát triển toàn diện học sinh
2. Chỉ đạo đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng giao tiếp trong các hoạt động dạy học
3. Xây dựng và phát triển môi trường học đường thân thiện, tích cực nhằm hỗ trợ rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho học sinh
4. Tổ chức đa dạng các hoạt động trải nghiệm thực tiễn nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh
5. Chỉ đạo tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh
6. Chỉ đạo thiết lập cơ chế động viên, khen thưởng kịp thời nhằm khuyến khích học sinh rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp.

Kết quả khảo nghiệm cho thấy các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh tại Trường Tiểu học Bình Tân đều được đánh giá có tính khả thi ở mức khá cao. Điểm trung bình chung đạt ĐTB = 3.18 (ĐLC = 0.72), thuộc mức “*khả thi*”, đồng thời độ lệch chuẩn ở mức vừa phải cho thấy mức độ phân tán không lớn và sự thống nhất tương đối giữa các ý kiến đánh giá.

Trước hết, xét về phân bố tỷ lệ, không có ý kiến nào đánh giá các biện pháp là “không khả thi”, điều này khẳng định các biện pháp đề xuất đều có khả năng triển khai trong thực tiễn nhà trường. Tỷ lệ lựa chọn “khả thi” và “rất khả thi” chiếm ưu thế ở tất cả các biện pháp (dao động từ khoảng 78% đến trên 87%), phản ánh niềm tin của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên vào hiệu quả thực hiện của các biện pháp.

Xét theo từng biện pháp, biện pháp 3 (xây dựng và phát triển môi trường học đường thân thiện) được đánh giá có tính khả thi cao nhất (ĐTB = 3.24; thứ bậc 1). Điều này cho thấy việc xây dựng môi trường giao tiếp tích cực là nội dung phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, có thể triển khai thông qua các hoạt động dạy học và sinh hoạt thường xuyên mà không đòi hỏi quá nhiều nguồn lực bổ sung.

Biện pháp 1 (nâng cao nhận thức) xếp thứ 2 (ĐTB = 3.23), phản ánh tính khả thi cao của các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng – những hoạt động tương đối quen thuộc và dễ tổ chức trong nhà trường. Trong khi đó, biện pháp 2 (đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học) xếp thứ 3 (ĐTB = 3.20), cho thấy mặc dù rất cần thiết nhưng việc triển khai có thể gặp một số khó khăn nhất định, đặc biệt liên quan đến năng lực sư phạm và thói quen dạy học của giáo viên.

Các biện pháp còn lại như tổ chức hoạt động trải nghiệm (biện pháp 4), tăng cường phối hợp (biện pháp 5) và thiết lập cơ chế khen thưởng (biện pháp 6) có mức điểm trung bình từ 3.09 đến 3.17, vẫn thuộc mức “khả thi” nhưng thấp hơn so với các biện pháp khác. Điều này có thể lý giải do

các biện pháp này phụ thuộc nhiều hơn vào điều kiện tổ chức, nguồn lực và sự phối hợp của nhiều lực lượng giáo dục. Đặc biệt, biện pháp 6 có ĐTB thấp nhất (3.09), phản ánh những khó khăn nhất định trong việc xây dựng và duy trì cơ chế khen thưởng hiệu quả, công bằng và bền vững trong thực tiễn.

Tóm lại, kết quả khảo nghiệm cho thấy các biện pháp đề xuất không chỉ có tính cần thiết mà còn có khả năng triển khai trong thực tiễn với mức độ khả thi khá cao. Tuy nhiên, sự khác biệt về mức độ khả thi giữa các biện pháp cũng gợi ý rằng trong quá trình triển khai cần có sự ưu tiên, linh hoạt và điều chỉnh phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường nhằm đảm bảo hiệu quả thực hiện.

III. KẾT LUẬN

Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học không chỉ là yêu cầu mang tính chuyên môn mà còn là trách nhiệm nhân văn sâu sắc của nhà trường trong việc hình thành những con người có năng lực tương tác, biết lắng nghe, chia sẻ và ứng xử văn minh. Nghiên cứu tại Trường Tiểu học Bình Tân cho thấy, khi công tác quản lý được thực hiện một cách khoa học, đồng bộ và gắn với thực tiễn, hiệu quả giáo dục kỹ năng giao tiếp được nâng lên rõ rệt, góp phần phát triển toàn diện nhân cách học sinh. Tuy nhiên, trước những biến động nhanh chóng của xã hội hiện đại, việc đổi mới quản lý hoạt động này cần được tiếp tục đẩy mạnh theo hướng linh hoạt, sáng tạo và lấy học sinh làm trung tâm. Đây không chỉ là biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục trước mắt mà còn là nền tảng bền vững để hình thành thế hệ công dân tự tin, nhân ái và hội nhập trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. Hà Nội.
- Bush, T. (2020). *Theories of educational leadership and management (5th ed.)*. Sage Publications.
- Denham, S. A., Bassett, H. H., & Wyatt, T. (2012). *The socialization of emotional competence*. *Developmental Psychology*, 48(5), 1377–1388.
- Hallinger, P. (2020). *Science mapping the knowledge base on educational leadership and management*. *Educational Management Administration & Leadership*, 48(2), 219–241.
- Leithwood, K., Harris, A., & Hopkins, D. (2020). *Seven strong claims about successful school leadership revisited*. *School Leadership & Management*, 40(1), 5–22.
- OECD. (2019). *OECD Future of Education and Skills 2030*. OECD Publishing.
- UNICEF. (2021). *Reimagining education: Life skills and citizenship education*. UNICEF.
- Bush, T. (2011). *Theories of educational leadership and management (4th ed.)*. Sage Publications.
- Hoy, W. K., & Miskel, C. G. (2013). *Educational administration: Theory, research, and practice (9th ed.)*. McGraw-Hill.
- OECD. (2018). *The future of education and skills: Education 2030*. OECD Publishing.
- UNICEF. (2012). *Global evaluation of life skills education programmes*. United Nations Children’s Fund.